TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 187 /2022/DS-PT Ngày: 04 / 8 /2022 V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi và bồi thường thiệt hại tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**.

Các Thẩm phán: Bà **Lê Thị Hồng Tâm**

Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

- Thư ký phiên toà: Ông **Võ Tấn Dũ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 và ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất về lối đi qua bất động sản liền kề và bồi thường thiệt hại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 73/2021/DS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Lâm Hồng B, sinh năm 1956. Cư trú: Số 301, ấp 5, xã C, A, tỉnh Tiền Giang.

1.2 Bà Triệu Minh D, sinh năm 1960. Cư trú: Số 69/12/10 đường E, Phường 10, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà D: bà Nguyễn Thị Mỹ G, sinh năm 1979. Cư trú: Số 19/8A đường H, Phường 6, Tp. I, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Ngô Thị J, sinh năm 1944. Cư trú: Số 76/5 đường H, Phường 6, Tp. I, Tiền Giang.

2.2 Ông Ngô Văn K, sinh năm 1962. Cư trú: Số 76/5 đường H, Phường 6, Tp. I, Tiền Giang.

2.3 Bà Ngô Thị L, sinh năm 1952. Cư trú: 76/3 đường H, Phường 6, Tp. I, Tiền Giang.

2.4 Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1964. Cư trú: Số 76/5 đường H, Phường 6, Tp. I, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền các ông/bà: bà J, ông K, bà L: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1964. Cư trú: Số 76/5 đường H, Phường 6, Tp. I, Tiền Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị Thu M: Luật sư S Thị Kim N – Văn phòng luật sư Kim N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Võ Thị Thu PM, sinh năm 1962. Cư trú: Số 169 Khu phố O, Phường 10, Tp. I, Tiền Giang.

3.2 Anh Ngô Vũ P, sinh năm 1992. Cư trú: Số 169 Khu phố O, Phường 10, Tp. I, Tiền Giang.

3.3 Anh Ngô Vũ Q, sinh năm 1988. Cư trú: R, Phường R, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền các ông/bà: bà PM, anh P, anh Q: Bà Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1964. Cư trú: Số 76/5 đường H, Phường 6, Tp. I, Tiền Giang.

Người kháng cáo:

1/ Nguyên đơn: Ông Lâm Hồng B và bà Triệu Thị Minh D;

2/ Bị đơn: Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị Thu M;

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

(Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D trình bày:***

Năm 2004, Cụ Ngô Văn S đã chuyển nhượng cho ông B, bà D một phần đất có diện tích 1.008,5m^2 tại số 301, ấp 5, xã C, A, tỉnh Tiền Giang. Ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận số (H) 00217 ngày 22/02/2005 do vợ chồng ông bà cùng đứng tên. Khi chuyển nhượng đất, các bên có thỏa thuận cụ S mở một lối đi 02m ngang và dài vô tới thửa đất ông bà đã nhận chuyển nhượng để làm lối đi vào phần đất của ông bà. Sau khi cụ S qua đời ông bà phát quang, đổ đất nâng cấp, sửa chữa lại lối đi

nhưng bà Nguyễn Thị Thu M là người đang quản D sử dụng phần đất của cụ S không đồng ý cho ông bà tiến hành sửa lại lối đi, đồng thời bà M đã rào lại một phần lối đi chỉ còn lại không đến 01m ngang gây cản trở lối đi của ông, bà.

Ông B, bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc những người thuộc hàng thừa kế của cụ Ngô Văn S là bà Ngô Thị J, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị L mở lối đi theo như biên bản ngày 22/12/2004 chiều ngang 02m, chiều dài tới giáp thửa đất của ông B và bà D theo kết quả đo đạc thực tế là 170,9m^2, ông B và bà D không phải thực hiện nghĩa vụ nào đối với những người thừa kế của ông S.

**** Bị đơn Ngô Thị J, Ngô Thị L, Ngô Văn K do người đại diện là bà Nguyễn Thị Thu M trình bày:***

Khi còn sống, ông Ngô Văn S là chủ sử dụng phần đất diện tích 6.527m^2 tại ấp 4, xã C, A, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01831 ngày 21/3/1997. Sau đó ông S đã chuyển quyền cho các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D diện tích 1.008,25m^2 vào năm 2005.

- Ông Ngô Văn K diện tích 998,55m^2. Ông K được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số 00589 ngày 25/7/2005.

- Bà Ngô Thị L diện tích 1.003.68m^2. Bà L đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ số 00517 ngày 05/7/2005.

- Bà Võ Thị Thu PM (vợ ông Ngô Văn U) diện tích 1.004m^2. Bà PM đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ số CH04008 ngày 08/6/2012.

- Bà Ngô Thị J diện tích 998m^2. Bà J đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ số 00518 ngày 05/7/2005.

Thửa đất của ông S diện tích còn lại là 1.514,5m^2, do ông S đứng tên quyền sử dụng đất. Khi ông S chết, thửa đất này do ông Ngô Văn K và bà Ngô Thị Thu M quản D sử dụng.

Khi tặng cho các con quyền sử dụng đất, ông S có tạo một lối đi nội bộ chiều ngang 02m cho các con sử dụng làm lối đi chung, nhưng vẫn thuộc quyền sử dụng của ông S, không phải là đường công cộng. Khi chuyển nhượng đất cho ông B và bà D, hai bên không có thỏa thuận chuyển nhượng lối đi. Tuy nhiên ông S có đồng ý cho ông B và bà D đi nhờ qua đất của ông theo hiện trạng lối mòn chiều ngang 01m.

Quá trình sử dụng lối đi qua đất ông S, ông B đã thực hiện hành vi trái pháp luật, cụ thể vào năm 2016 ông B tự ý đốn bỏ cây trồng, giá trị thiệt hại theo thẩm L giá là 18.900.000 đồng và san lấp đổ cát đá với mục đích làm đường đi cho cá nhân gia đình ông. Đồng thời ông còn có hành vi đạp đổ cổng rào mà ông S dựng lên để bảo vệ vườn cây của mình. Khi ông S phản đối thì mọi việc mới dừng lại cho đến nay. Từ những mâu thuẫn nêu trên, thấy rằng việc cho ông B và bà D tiếp tục đi nhờ trên phần đất của ông S sẽ gây ảnh hưởng rất lớn cho những người sử dụng đất có liên quan. Bởi vì, ông B không có ý thức bảo vệ tài sản cây trồng trên đất được đi nhờ mà còn có hành vi hủy hoại cây trồng và tài

sản trên đất của ông S nên các con ông S làm cổng rào để bảo vệ tài sản, nhưng ông B không chịu cho rằng cản trở ông sử dụng lối đi.

Các bị đơn đồng ý cho ông B và bà D mởi lối đi với các điều kiện sau: Bên ông B và bà D phải hoàn trả cho các con ông S ½ giá trị đất theo biên bản L giá là 153.810.000 đồng; Gia đình bị đơn xây cổng rào và giao chìa khóa cho ông B bà D sử dụng.

Chị M có yêu cầu phản tố: Vào năm 2016, ông B tự ý nâng cấp đường đi nội bộ của gia đình bằng cách bơm cát, chặt phá các cây trồng nêu trên với tổng giá trị thiệt hại là 18.900.000 đồng theo chứng thư thẩm L giá ngày 08/8/2016. Nay chị là người đại diện cho những người thừa kế của ông S yêu cầu ông B và bà D phải trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông S gồm các ông bà J, K, L, PM, Q, P giá trị cây trồng bị thiệt hại là 18.900.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2021/DS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ :

- Căn cứ vào khoản 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 245, 248, 254, 584 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy L về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản D và sử dụng án phí.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc nguyên đơn ông Lâm Hồng B bồi thường thiệt hại giá trị các cây trồng là 18.900.000 đồng cho những người thừa kế của cụ Ngô Văn S gồm Ngô Thị J, Ngô Văn K, Ngô Thị L, Ngô Vũ Q, Ngô Vũ P, Võ Thị Thu PM. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Chi phí tố tụng: Buộc nguyên đơn ông Lâm Hồng B trả lại cho cho Nguyễn Thị Thu M số tiền chi phí tố tụng là 3.600.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy L của pháp luật.

Ngày 09/12/2021, ông Lầm Hồng B và bà Tiệu Minh D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm buộc những người thuộc hàng thừa kế của cụ Ngô Văn S là bà Ngô Thị J, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị L mở lối đi nội bộ theo như biên bản ngày 22/12/2004 chiều ngang 02m, chiều dài tới giáp thửa đất của ông B và bà D theo kết quả đo đạc thực tế là 170,9m^2, ông B và bà D không phải thực hiện nghĩa vụ nào đối với những người thừa kế của ông S; Buộc bị đơn phải trả lại cho ông B, bà D số tiền chi phí tố tụng 3.600.000đồng.

Ngày 15/12/2021, ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị Thu M kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét mở lối đi cho ông B, bà D theo như biên bản ngày 22/12/2004 chiều ngang 02m, chiều dài tới giáp thửa đất của ông B và bà D theo kết quả đo đạc thực tế là 170,9m^2. Buộc ông B, bà D phải bồi thường ½

giá trị đất theo biên bản L giá là 153.810.000 đồng; Cho gia đình bị đơn xây cổng rào và giao chìa khóa cho ông B bà D sử dụng.

Ngày 28/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án DSST, D do:

- Bản án sơ thẩm đưa tP người tham gia tố tụng là các thành viên trong hộ ông B;

- Bản án dân sự sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa khách quan;

- Bản án sơ thẩm chưa xem xét hết yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm nghiệm trọng tố tụng.

- Nhận L của bản án và quyết L bản án chưa khách quan (nhận L thửa đất ông B bị vây bọc bởi nhiều bất động sản nên có thể yêu cầu mở lối đi qua bất động sản khác thuận tiện hơn).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bị đơn ông Ngô Văn K và bà Nguyễn Thị Thu M có thay đổi yêu cầu phản tố, đồng ý tự nguyện mở lối đi cho ông B, bà D chiều ngang 01m, chiều dài từ đường bê tông tới giáp thửa đất của ông B và bà D theo kết quả đo đạc thực tế là 86,51m, vị trí cặp tường rào của ông Võ Thanh T; không yêu cầu ông B, bà D bồi hoàn giá trị đất thiệt hại.

- Viện kiểm sát giữ nguyên quyết L kháng nghị.

- Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ý kiến:

Sau khi cụ S chuyển nhượng đất cho ông B và bà D khoảng hơn 01 năm, khi tặng cho đất các con cụ S mới chừa lối đi nội bộ gia đình nên nguyên đơn cho rằng khi ông B chuyển nhượng đất của cụ S có thỏa thuận mua đường đi 2m là không đúng. Hiện nay phần đất đường đi nội bộ vẫn thuộc quyền sử dụng của cụ S. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để yêu cầu gia đình bị đơn cho đi mà không có điều kiện thì chứng cứ đó là sai, vì Ủy ban nhân dân A đã có văn bản xác L tứ cận thể hiện trên giấy đất của cụ S là sai và đã yêu cầu điều chỉnh. Phía bị đơn đồng ý tự nguyện mở cho ông B, bà D lối đi chiều ngang 01m, chiều dài tới giáp thửa đất của ông B và bà D theo kết quả đo đạc thực tế là 86,51m, vị trí cặp tường rào của ông Võ Thanh T; không yêu cầu ông B, bà D bồi hoàn giá trị đất thiệt hại. Về chi phí tố tụng mỗi bên đã tạm ứng thì sẽ tự nguyện chịu. Dovậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy L của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

Về nội dung : Nhận thấy, bản án sơ thẩm nhận L và quyết L chưa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án (có phân tích trong bài phát biểu kèm theo). Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang kháng nghị đề nghị hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên xét diễn biến quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nhận thấy việc hủy án là không cần thiết. Căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát thay đổi kháng nghị, đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc những người thừa kế của ông Ngô Văn S mở lối đi cho ông B, bà D diện tích 84,3m^2 (ngang 1m x dài 86,51m), vị trí cặp tường rào ông Võ Thanh T.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN L CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Lâm Hồng B, bà Triệu Minh D và đơn kháng cáo ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị Thu M nộp trong thời hạn, đúng với quy L tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với thay đổi yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông K, bà M tại phiên tòa không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác L quan hệ pháp luật "tranh chấp quyền sử dụng đất về lối đi và bồi thường thiệt hại tài sản" thuộc trường hợp tranh chấp các quyền khác đối với tài sản theo quy L tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy L pháp luật.

[3] Xét đơn kháng cáo của ông B, bà D yêu cầu sửa bản án sơ thẩm: Buộc những người thuộc hàng thừa kế của cụ Ngô Văn S là bà Ngô Thị J, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị L và Nguyễn Thị Thu M mở đường đi nội bộ theo như biên bản ngày 22/12/2004 chiều ngang 02m, chiều dài tới giáp thửa đất của ông B và bà D theo kết quả đo đạc thực tế là 170,9m^2, ông B và bà D không phải thực hiện nghĩa vụ nào đối với những người thừa kế của ông S; Buộc bị đơn phải trả lại cho ông B, bà D số tiền chi phí tố tụng xét thấy:

- Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 30/12/2004, giữa ông Ngô Văn S và ông Lâm Hồng B không có nội dung chuyển nhượng phần lối đi chiều ngang 2m từ đất ông B ra đường công cộng; phần đất thể hiện lối đi nội bộ thuộc quyền sử dụng của ông Ngô Văn S.

- Theo Công văn số 3792/UBND-TN&MT ngày 13/6/2017 của UBND A cũng thể hiện: *"...Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Lâm Hồng B có sai sót về ranh giới hướng Tây..."* không phải là đường đi 2m.

- Qua kết quả xem xét thẩm L tại chỗ, thửa đất ông B, bà D đang bị vây bọc bởi các bất động sản khác, các thửa đất xung quanh đã xây tường rào bao bọc không có lối đi ra đường công cộng. Chỉ có lối đi qua đất của ông Ngô Văn S là lối đi duy nhất.

Như vậy, thửa đất nêu trên của ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D bị vây bọc bởi các bất động sản xung quanh không có lối đi ra đường công cộng. Mặt khác, nguồn gốc thửa đất của ông B, bà D được tách ra từ thửa đất của ông Ngô Văn S nên phải dành lối đi cần thiết cho người sử dụng phía trong theo quy L khoản 3 Điều 254 Bộ luật dân sự. Do đó ông B, bà D yêu cầu các bị đơn mở lối đi từ thửa đất của ông bà ra đến đường công cộng là có căn cứ.

Tuy nhiên về kích thước lối đi các bên không thỏa thuận được; ông B, bà D yêu cầu phải mở lối đi chiều ngang 2m từ đất ông B ra đường công cộng dài 86,5m, diện tích quá lớn, gây thiệt hại rất lớn cho thửa đất của ông Ngô Văn S nên không phù hợp quy L Điều 254 Bộ luật dân sự. Xét thấy cần mở lối đi ra đường công cộng cho ông B, bà D kích thước ngang 1m , dài từ đất ông B, bà D ra đường công cộng 86,51m là đảm bảo nhu cầu cần thiết về lối đi và ít gây thiệt hại cho bất động sản mở lối đi thì mới đảm bảo thuận tiện và hợp D nhất.

Bản án DSST xử không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D là không phù hợp với quy L của pháp luật và hiện trạng sử dụng của các thửa đất như đã phân tích trên.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu: Tại phiên tòa phúc thẩm đồng ý cho ông B và bà D mở lối đi kích thước ngang 1m , dài từ đất ông B, bà D ra đường công cộng 86,51m, không yêu cầu đền bù thiệt hại. Xét thấy: đại diện các bị đơn đồng ý mở lối đi kích thước ngang 1m , dài từ đất ông B, bà D ra đường công cộng 86,51m cho ông B, bà D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy L pháp luật.

[5] Xét tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên thay đổi nội dung kháng nghị đề nghị sửa một phần bản án DSST, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và một phần kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp pháp luật như đã phân tích trên.

Từ những phân tích trên,

- Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Hồng B, bà Triệu Minh D;

- Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị Thu M.

- Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng và án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu phần chi phí tố tụng không được Tòa án chấp nhận theo quy L pháp luật. Nguyên đơn đã nộp chi phí xem xét,

thẩm L giai đoạn sơ thẩm là 5.900.000 đồng, phúc thẩm là 600.000đồng, tổng cộng là 6.500.000đồng; Bị đơn đã nộp số tiền chi phí tố tụng là 3.600.000 đồng giai đoạn sơ thẩm. Như vậy mỗi bên có nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng mình đã tạm nộp giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện mở lối đi của ông B, bà D được chấp nhận nên ông , bà không phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu này theo quy L pháp luật. Các bị đơn phải chịu án phí DSST đối với yêu cầu của Nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Do Hội đồng xét xử sửa bản án DSST nên các đương sự không phải chịu án phí DSPT theo quy L.

[7] Xét ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị Thu M là phù hợp quy L của pháp luật như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở và phù hợp với quy L của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT L:

Căn cứ khoản 2 Điều Điều 26, Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 296 và khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy L về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Hồng B, bà Triệu Minh D;

Chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Văn K, bà Nguyễn Thị Thu M;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Sửa bản án sơ thẩm số: 73/2021/DS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân A, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D. Buộc những người thuộc hàng thừa kế của cụ Ngô Văn S gồm: bà Ngô Thị J, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị L, Võ Thị Thu PM, Ngô Vũ P, Ngô Vũ Q và bà Nguyễn Thị Thu M cùng có nghĩa vụ mở lối đi cho thửa đất của ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D. Lối đi ký hiệu T1, diện tích 84,3 m^2 (ngang 1m, dài 86,51m từ thửa đất ông B, bà D đến đường bê tông) thuộc thửa đất 216, TBĐ số 28, tại vị trí phía Tây thửa đất, cặp bức tường ranh đất của ông Võ Văn T có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp phần đất còn lại của cụ Ngô Văn S;
- Phía Tây giáp ranh thửa đất ông Võ Văn T;
- Phía Bác giáp với thửa đất ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D;
- Phía Nam giáp đường bê tông

(Có sơ đồ theo pP xác nhận kết quả đo đạc kèm theo)

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất đang sử dụng theo quy L điểm l khoản 4 Điều 95 Luật đất đai.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc nguyên đơn ông Lâm Hồng B bồi thường thiệt hại giá trị các cây trồng là 18.900.000 đồng cho những người thừa kế của cụ Ngô Văn S gồm Ngô Thị J, Ngô Văn K, Ngô Thị L, Ngô Vũ Q, Ngô Vũ P, Võ Thị Thu PM. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì còn phải chịu lãi suất theo quy L tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền tương ứng với thời gian chậm thực hiện.

3. Về án phí:

- Ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu mở lối đi. Hoàn lại ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST theo biên lai số 0000941 ngày 07/01/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí DSPT đã nộp theo biên lai số 0004515 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự A.

- Ông Lâm Hồng B phải chịu 945.000 đồng án phí DSST (đối với nghĩa vụ bồi thường thiệt hại).

- Các bị đơn gồm bà Ngô Thị J, ông Ngô Văn K, bà Ngô Thị L và bà Nguyễn Thị Thu M cùng chịu 300.000đồng án phí DSST.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thu M số tiền 472.500 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số 0001577 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự A.

- Hoàn lại cho ông Ngô Văn K bà Nguyễn Thị Thu M số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004537 ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự A.

4. Chi phí tố tụng:

- Ông Lâm Hồng B và bà Triệu Minh D có nghĩa vụ chịu 6.500.000đồng chi phí tố tụng, được trừ vào số tiền ông bà đã tạm nộp.

- Ông Ngô Văn K bà Nguyễn Thị Thu M có nghĩa vụ chịu 3.600.000đồng chi phí tố tụng, được trừ vào số tiền ông bà đã tạm nộp.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy L tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy L tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy L tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Tp. I, TG;
- CCTHADS Tp. I, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Nhàn